

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN,
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 23/01/2024

V/v: “Tranh chấp liên quan đến
tài sản để thi hành án”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và ông Nguyễn Đình

Huân;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc: “Tranh chấp liên quan đến tài sản để thi hành án”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 77/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 04/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị H**, sinh năm 1973 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn D, S, H, Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông **Phan Minh L**, sinh năm: 1962 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn D, S, H, Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Trần Thị H1**, sinh năm 1968 (*Vắng mặt*)

Ông **Phan Thanh H2**, sinh năm 1991 (*Vắng mặt*)

Ông **Phan Thanh H3**, sinh năm 1995 (*Vắng mặt*)

Bà **Phan Thị Thanh L1**, sinh năm 1999 (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Thôn D, S, H, Bình Thuận.

Bà **Phan Thị H4**, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn A, S, H, Bình Thuận.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân

Địa chỉ: Khu phố B, T, H, Bình Thuận

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh C, Chi cục trưởng (*Vắng mặt*)

Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân

Địa chỉ: Khu phố B, T, H, Bình Thuận

Đại diện hợp pháp: Ông Phan Công S, Chuyên viên, theo văn bản ủy quyền số 4532/UBND-TH ngày 05/12/2023. (*Vắng mặt*)

(*Bà H4, ông L, Đại diện hợp pháp của UBND huyện H, Đại diện hợp pháp của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Đoàn Thị H trình bày:* Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 07/2021/QĐST-DS ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, ông Phan Minh L có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị H số tiền 40.000.000đ và tiền lãi chậm trả kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngày 19/5/2021, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 466/QĐ-CCTHADS cho thi hành án đối với ông Phan Minh L, các khoản phải thi hành bao gồm số tiền 40.000.000đ và tiền lãi chậm trả phát sinh.

Qua xác minh tại Chi nhánh Văn phòng Đ về điều kiện thi hành án, hiện nay hộ ông Phan Minh L là chủ sở hữu quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 312, tờ bản đồ số 08, diện tích 2.027m² tọa lạc tại thôn B, S, H, Bình Thuận được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842 ngày 04/8/2008 cho hộ ông Phan Minh L và bà Trần Thị H1 (*Từ đây gọi tắt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842*). Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân không xác định được phần quyền sử dụng đất của ông Phan Minh L trong khối tài sản chung, nên chưa thể kê biên xử lý tài sản để thi hành án cho nguyên đơn.

Ngày 30/5/2022, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân đã ban hành Thông báo số: 102/TB-THADS thông báo cho ông Phan Minh L, bà Trần Thị H1, bà Phan Thị H4, ông Phan Thanh H2, ông Phan Thanh H3 và bà Phan Thị Thanh L1 có quyền tự thỏa thuận, hoặc yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xác định phần quyền sử dụng đất của ông Phan Minh L trong khối tài sản chung của hộ gia đình. Hết thời hạn 30 ngày, nhưng ông Phan Minh L và các thành viên trong hộ ông L không thực hiện.

Do vậy, tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu Toà án xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng đất của ông Phan Minh L trong khối tài sản chung của hộ gia đình ông Phan Minh L, bà Trần Thị H1 là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 312, tờ bản đồ số 08 diện tích 2.027m² tọa lạc tại thôn B, S, H, Bình Thuận được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM

009842 ngày 04/8/2008 cho hộ ông Phan Minh L và bà Trần Thị H1 và tài sản gắn liền với đất.

Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2023 và tại đơn xin vắng mặt ngày 17/01/2024, bà xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Toà án xác định phân quyền sử dụng đất của ông Phan Minh L trong khối tài sản chung của hộ ông Phan Minh L là quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.027m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 312, tờ bản đồ số 08 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842 do Ủy ban nhân dân huyện H ngày 04/8/2008; Không yêu cầu xác định phân quyền sở hữu của ông L đối với tài sản gắn liền với đất.

Bị đơn ông Phan Minh L trình bày: Ông và bà H1 tổ chức lễ cưới ngày 08/9/1988, đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842 có nguồn gốc do ông khai phá năm 1985. Đến năm 1988 ông mới kết hôn và vợ chồng ông cùng quản lý, canh tác diện tích đất nói trên. Các con của ông không khai phá và không có công sức đóng góp gì. Ông và bà H1 có công sức ngang nhau trong việc tạo lập tài sản là quyền sử dụng đất nói trên. Sau khi có quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 07/2021/QĐST-DS ngày 30/3/2021, ông nhiều lần mang tiền đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân trình bày nguyện vọng được trả thành nhiều đợt, nhưng bà H4 không đồng ý.

Nay, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H4, ông nợ tiền thì trả tiền cho bà H4, tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh của ông rất khó khăn nên xin được thi hành án thành nhiều đợt. Diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842 không liên quan gì đến nghĩa vụ của ông với bà H4.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1, bà Phan Thị H4, ông Phan Thanh H2, ông Phan Thanh H3, bà Phan Thị Thanh L1 đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Toà án nhưng không đến Toà án để cung cấp lời khai, cũng không có văn bản ý kiến gửi cho Toà án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện H có văn bản đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân trình bày: Ngày 19/5/2021, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân nhận được đơn yêu cầu thi hành án của bà Đoàn Thị H, yêu cầu thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2021/QĐST-DS ngày 30/3/2021. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân đã ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 466/QĐ-CCTHADS. Quá trình thi hành án, xác định được ông Phan Minh L có tài sản là phần quyền sở hữu trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với 2.027m² thuộc thửa đất số 312, tờ bản đồ số 08 (01/5000) được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842 ngày 04/8/2008 cho hộ ông Phan Minh L và bà Trần Thị H1.

Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân đã thông báo cho ông Phan Minh L, bà Trần Thị H1, bà Phan Thị H4, ông Phan Thanh H2, ông Phan Thanh H3, bà Phan Thị Thanh L1 được quyền tự thỏa thuận, hoặc khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sở hữu của ông Phan Minh L trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất nêu trên. Tuy nhiên, hết thời hạn luật định mà các đương sự có tên nêu trên không thực hiện, nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân tiếp tục thông báo cho bà Đoàn Thị H được quyền khởi kiện. Hiện nay, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân đã ra quyết định hoãn thi hành án, và sẽ xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án.

Ngày 11/4/2023, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ để xác định tài sản trên đất. Kết quả thể hiện trên diện tích đất tranh chấp có 19 cây sầu đâu, 68 cây keo tràm dưới 03 năm tuổi, 18 cây dừa nhỏ mới trồng dưới 02 năm tuổi. Ngày 23/10/2023, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lần hai, kết quả thể hiện trên diện tích đất tranh chấp chỉ còn 18 cây sầu đâu, 68 cây keo tràm từ 03 đến dưới 05 năm tuổi, 207 cây keo tràm dưới 02 năm tuổi, cây dừa trên đất hiện không còn. Ông L xác định cây sầu đâu và cây dừa là do vợ chồng ông trồng, còn cây keo tràm ông không rõ ai trồng trên đất.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; Các đương sự đã thực hiện theo đúng quy định, riêng bà Trần Thị H1, bà Phan Thị H4, ông Phan Thanh H2, ông Phan Thanh H3, bà Phan Thị Thanh L1 chưa thực hiện đúng quy định

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 2.027m² đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa số 312, tờ bản đồ số 08 (01/5000), tọa lạc tại thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo giấy CNQSD đất số AM 009842 ngày 04/8/2008 do UBND huyện H cho hộ ông Phan Minh L, bà Trần Thị H1 là tài sản chung của ông Phan Minh L và bà Trần Thị H1. Trong đó, phần tài sản của ông Phan Minh L là 55% để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Bà Đoàn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Minh L trong khối tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất đối với 2.027m² thuộc thửa đất số 312, tờ bản đồ số 08 (01/5000) được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842 để thi hành án, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án cần được điều chỉnh lại là “Tranh chấp liên quan đến tài sản để thi hành án” theo quy định tại khoản 12 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối tượng tranh chấp là bất động sản tại huyện H, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Tại phiên tòa, bà Trần Thị H1, bà Phan Thị H4, ông Phan Thanh H2, ông Phan Thanh H3, bà Phan Thị Thanh L1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Bà Đoàn Thị H, ông Phan Minh L, đại diện hợp pháp của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân, đại diện hợp pháp của UBND huyện H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[4] Ngày 19/5/2021, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 466/QĐ-CCTHADS đối với ông Phan Minh L. Ngày 30/5/2022, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân đã ban hành Thông báo số: 102/TB-THADS thông báo cho ông Phan Minh L, bà Trần Thị H1, bà Phan Thị H4, ông Phan Thanh H2, ông Phan Thanh H3 và bà Phan Thị Thanh L1 quyền tự thoả thuận, hoặc yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xác định phân quyền sử dụng đất của ông Phan Minh L trong khối tài sản chung của hộ gia đình. Hết thời hạn 30 ngày, nhưng ông Phan Minh L và các thành viên trong hộ ông L không thực hiện. Ngày 07/7/2022, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân ban hành Thông báo số: 152/TB-THADS về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản thi hành án cho bà Đoàn Thị H để khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sử dụng đất của ông Phan Minh L. Như vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sở hữu của ông Phan Minh L trong khối tài sản chung của hộ ông Phan Minh L là đủ điều kiện khởi kiện quy định tại Điều 74 của Luật thi hành án Dân sự.

[5] Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, diện tích đất 2.027m² thuộc thửa đất số 312, tờ bản đồ số 08 (01/5000) được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842, hiện nay đã có thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp S I số 403/TB-UBND ngày 06/6/2022 và Thông báo số 20/TB-UBND ngày 05/01/2023 của UBND huyện H về việc điều chỉnh thông báo số 403/TB-UBND ngày 06/6/2022. Theo biên bản xác minh ngày 22/01/2024, hiện nay diện tích đất nói trên vẫn chưa có quyết định thu hồi đất và quyết định liên quan về việc chi trả tiền bồi thường.

[6] Về nguồn gốc đất: Bị đơn trình bày diện tích đất nói trên có nguồn gốc do ông khai phá năm 1985, điều này phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân

xã S trên đơn xin cấp giấy nhận quyền sử dụng đất, xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S về nguồn gốc đất, và các tài liệu khác trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chi nhánh Chi nhánh Văn phòng Đ cung cấp.

Về thời điểm sống chung của ông L và bà H1, ông L trình bày ông và bà H1 tổ chức lễ cưới và bắt đầu sống chung ngày 08/9/1988, đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S. Lời trình bày của ông L phù hợp với thực tế con chung lớn nhất của ông L, bà H1 sinh năm 1989. Ủy ban nhân dân xã S xác định ông L, bà H1 sống chung với nhau khoảng năm 1987, tuy nhiên UBND xã S cũng xác định việc cung cấp thông tin của Ủy ban chỉ mang tính chất tham khảo dựa trên thu thập thông tin từ người dân. HĐXX xét thấy, mặc dù có sự khác biệt về thời gian sống chung, nhưng tất cả tài liệu, chứng cứ đều thể hiện ông L, bà H1 sống chung với nhau sau khi ông L khai phá diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842.

Hơn nữa, hồ sơ cũng thể hiện sau khi sống chung với nhau năm 1988, ông L và bà H1 có 04 người con là Phan Thị H4, sinh năm 1989; Phan Thanh H2, sinh năm 1991; Phan Thanh H3, sinh năm 1995; Phan Thị Thanh L1 sinh năm 1999. Những người con của ông L đều ra đời sau thời điểm ông L khai phá diện tích đất nói trên. Bản thân bà H1 và các con của ông L được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gửi cho Tòa án

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842 do ông Phan Minh L khai phá năm 1985, trước thời điểm ông L và bà H1 sống chung với nhau.

[7] Diện tích đất 2.027m² thuộc thửa đất số 312, tờ bản đồ số 08 (01/5000) được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842 cho hộ ông Phan Minh L, bà Trần Thị H1.

Như đã nhận định tại mục [5], diện tích đất nói trên do ông Phan Minh L khai phá năm 1985. Khi lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L đã đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất là ông L và bà H1; Tại các biên bản lấy lời khai, ông L cũng xác định diện tích đất nói trên là tài sản chung của vợ chồng ông, các con ông không có công sức đóng góp gì trong việc tạo lập khối tài sản nói trên. Điều này cũng phù hợp với trả lời của Ủy ban nhân dân huyện H tại Công văn số 2763/UBND-TNMT ngày 09/8/2023 xác định diện tích đất nói trên được UBND huyện H cho ông Phan Minh L và bà Trần Thị H1. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Trần Thị H1, bà Phan Thị H4, ông Phan Thanh H2, ông Phan Thanh H3, bà Phan Thị Thanh L1 nhưng họ không cung cấp ý kiến cho Tòa án, cũng không có tài liệu chứng cứ khác thể hiện các thành viên trong hộ thỏa thuận quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung của hộ gia đình.

Do đó, có căn cứ để xác định diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842 đứng tên hộ ông Phan Minh L, bà Trần Thị H1 là tài sản chung của ông Phan Minh L và bà Trần Thị H1.

[8] Mặc dù, ông L xác định vợ chồng ông có công sức đóng góp ngang nhau trong việc tạo lập khối tài sản nêu trên, tuy nhiên, nguồn gốc diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842 là do ông L khai phá trước khi sống chung với bà H1. Hơn nữa, hiện nay ông L đang có nghĩa vụ với bà H4, lời trình bày của ông L làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Xét thấy, ông L có công sức đóng góp nhiều hơn nên được quyền sở hữu phần nhiều hơn trong khối tài sản chung. Diện tích đất nói trên được ông L khai phá và sử dụng 03 năm trước khi ông và bà H1 cùng nhau quản lý sử dụng đất, nên cần trích 10% trong tổng khối tài sản chung cho ông L là công sức đóng góp cho việc tạo lập, quản lý tài sản; còn lại 90% trong tổng khối tài sản chung được chia đôi cho ông L, bà H1. Như vậy, ông L được sử dụng 55% thửa đất nêu trên, bà H1 được quyền sử dụng 45% thửa đất nêu trên.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ông Phan Minh L được quyền sử dụng 55% thửa đất số 312, tờ bản đồ số 08 (01/5000) diện tích 2.027m² được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842 cho hộ ông Phan Minh L, bà Trần Thị H1.

[9] Đối với tài sản trên đất: Trên đất có tài sản là cây keo trầm và cây sấu đầu. Bị đơn xác định cây sấu đầu do vợ chồng ông trồng, còn cây keo trầm ông không xác định được do ai trồng. Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sở hữu của ông L đối với tài sản trên đất, nên Tòa án không thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[10] Thông báo thu hồi đất số 403/TB-UBND ngày 06/6/2022 và Thông báo số 20/TB-UBND ngày 05/01/2023 của UBND huyện H về việc điều chỉnh thông báo số 403/TB-UBND ngày 06/6/2022 thể hiện diện tích đất dự kiến thu hồi của hộ ông Phan Minh L là 2.281,4m². Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Tòa án xác định phân quyền của ông Phan Minh L trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.027m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842, không yêu cầu xác định đối với phần diện tích theo thông báo thu hồi vượt quá diện tích đất theo giấy chứng nhận nêu trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết, nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 4.000.000đ, do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền nói trên cho nguyên đơn.

[12] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 108 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 74 Luật Thi hành án dân sự;
- Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản để thi hành án” đối với ông Phan Minh L.

Xác định ông Phan Minh L được quyền sử dụng 55% thửa đất số 312, tờ bản đồ số 08 (01/5000), diện tích 2.027m² được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 009842 ngày 04/8/2008 cho hộ ông Phan Minh L, bà Trần Thị H1.

2. Về tài sản trên đất: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

3. Về chi phí tố tụng: Ông Phan Minh L phải chịu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để hoàn lại cho bà Đoàn Thị H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí:

- Bà Đoàn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H5 lại cho bà H 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai số 0010548 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

- Ông Phan Minh L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Noinhận:

- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

